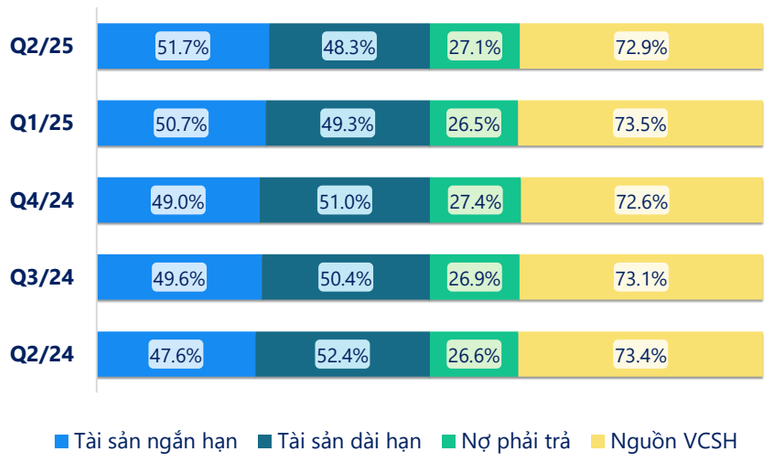
FireAnt

CTCP Cao su Đồng Phú (HSX: DPR)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	41,150
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	49,985
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	32,990
SL cổ phiếu LH	86,885,932
KLGD BQ 20 phiên (CP)	954,260
% sở hữu nước ngoài	3.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,575
P/E	13.1
EPS	3,133

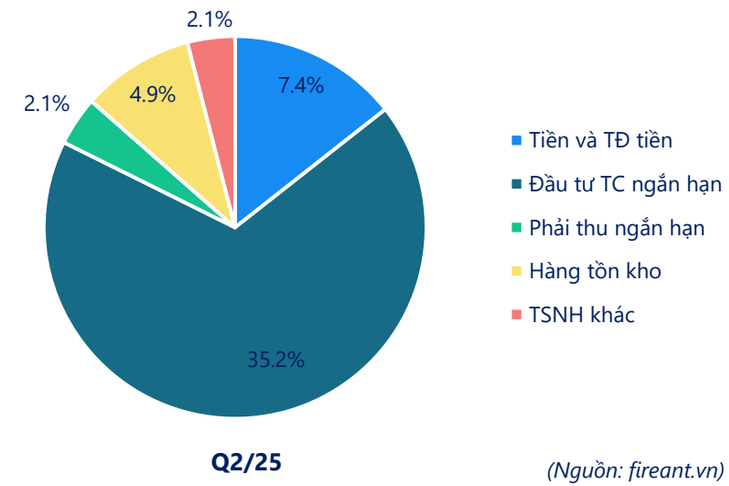
	YTD	1T	3T	6T
DPR	12.0%	12.4%	-11.2%	11.5%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



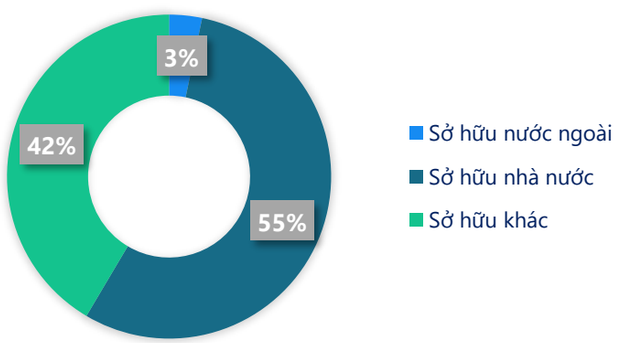
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



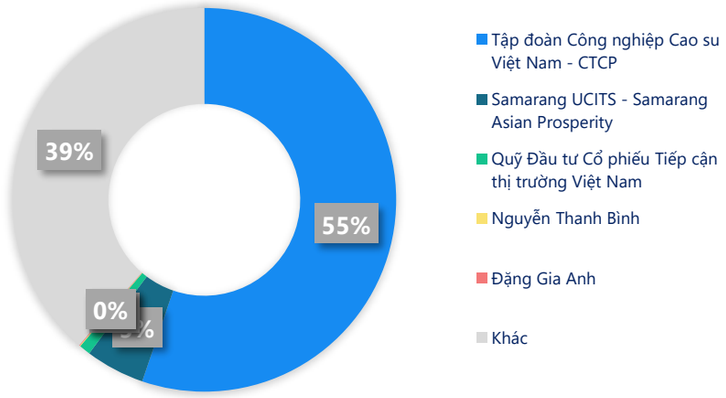
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



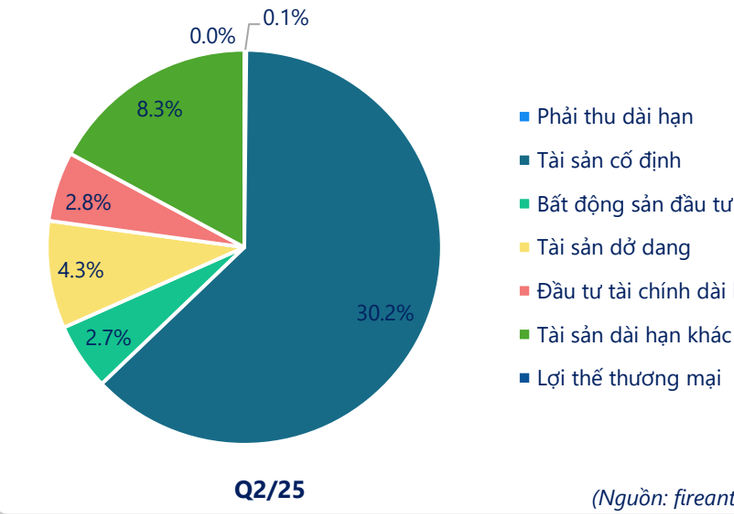
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

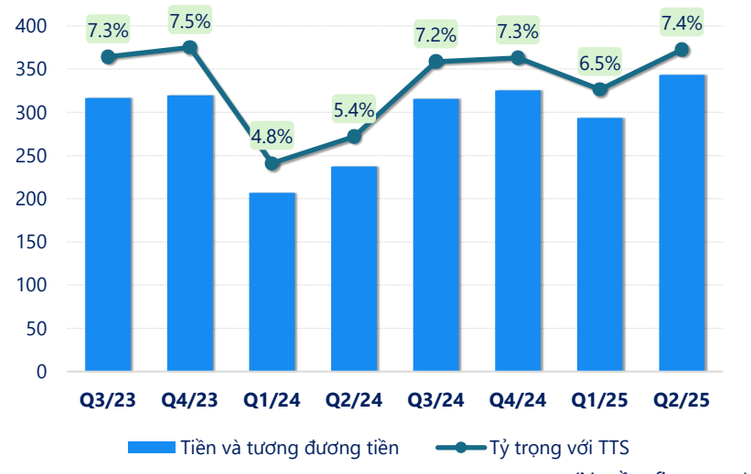


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

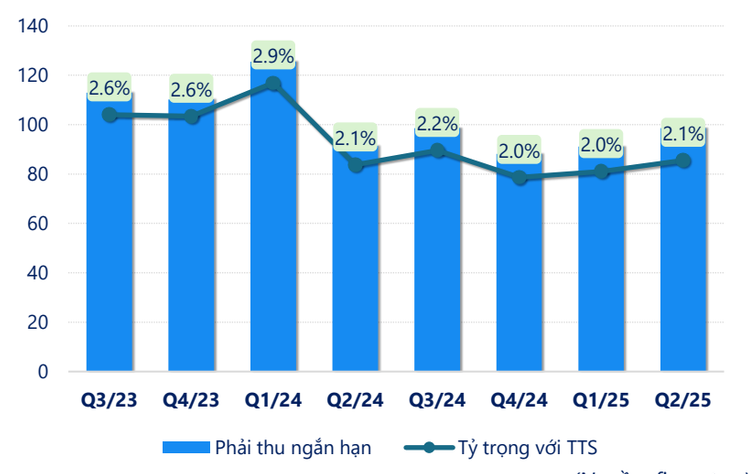
CTCP Cao su Đồng Phú (HSX: DPR)

Tiền và tương đương tiền



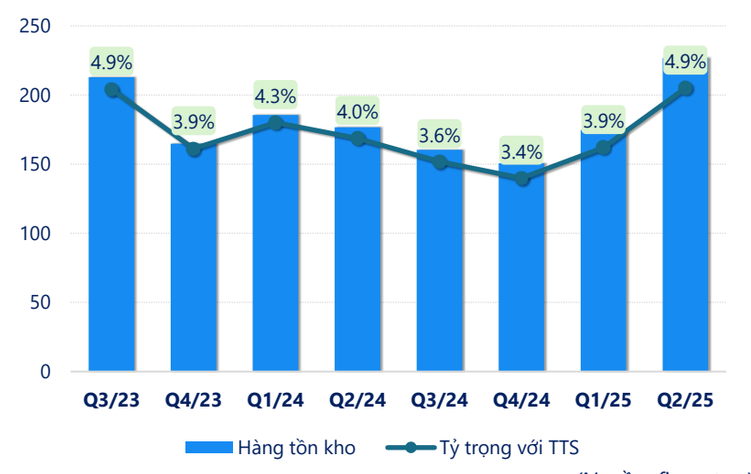
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



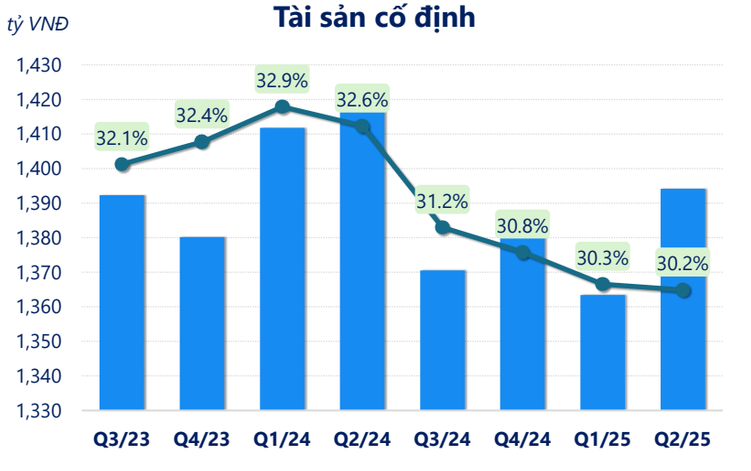
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



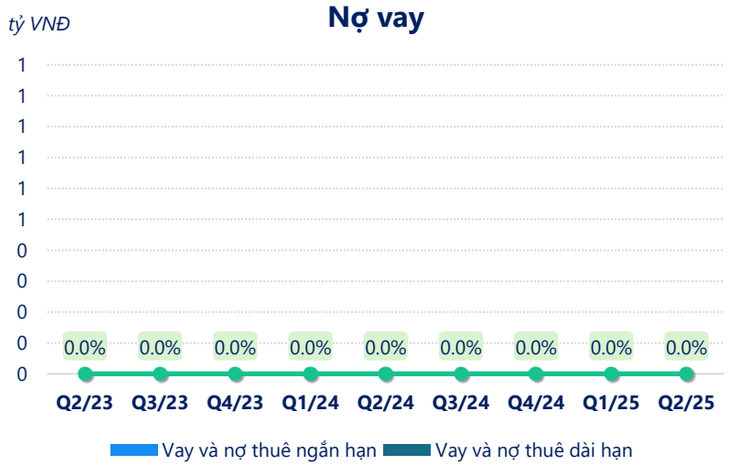
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



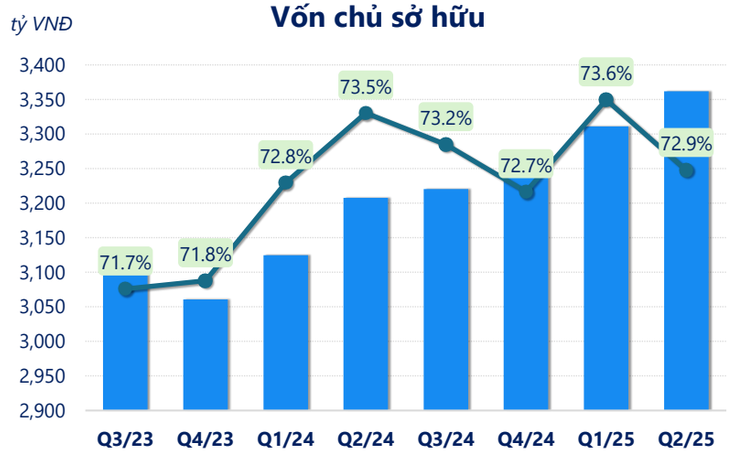
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

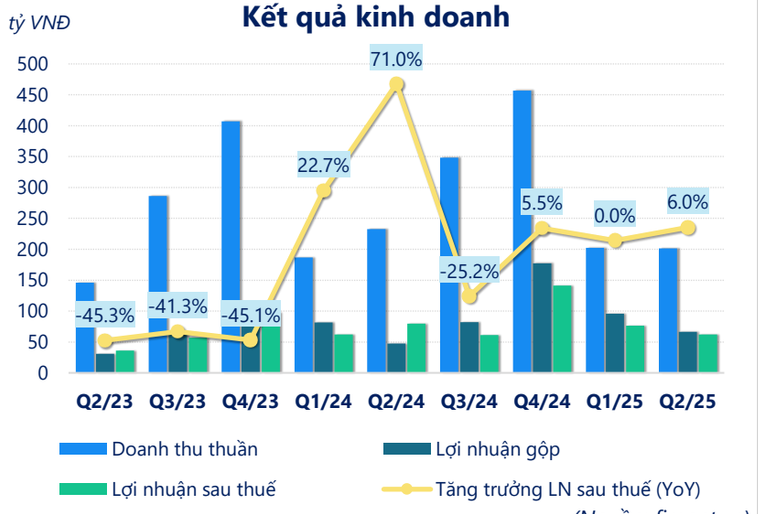


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

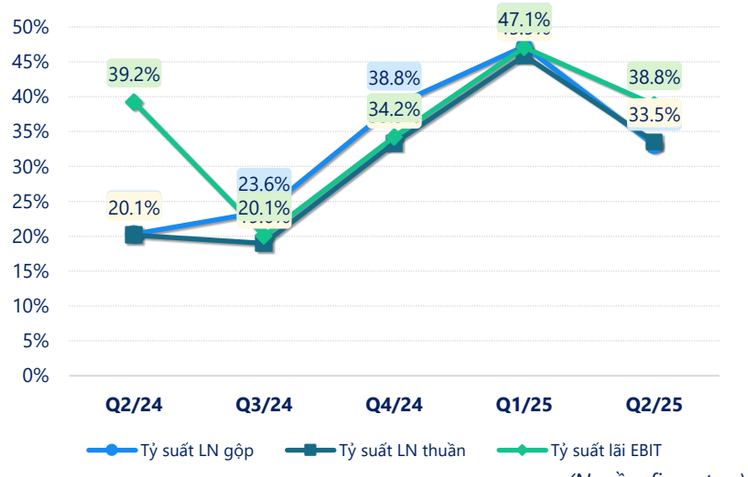
CTCP Cao su Đồng Phú (HSX: DPR)

Kết quả kinh doanh



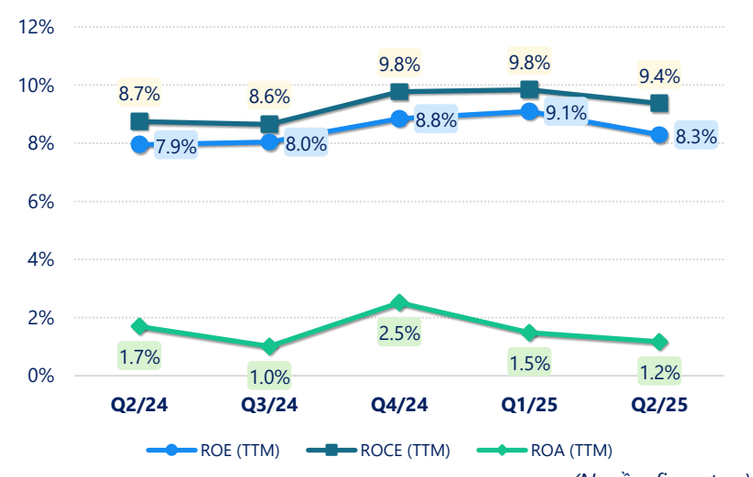
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



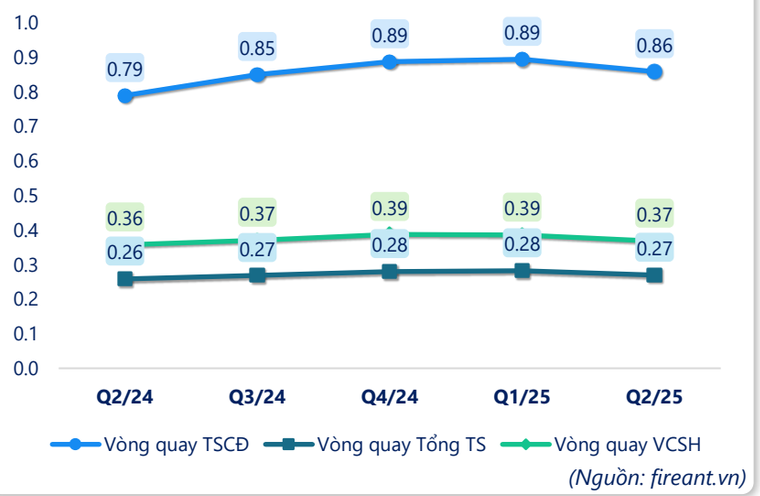
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



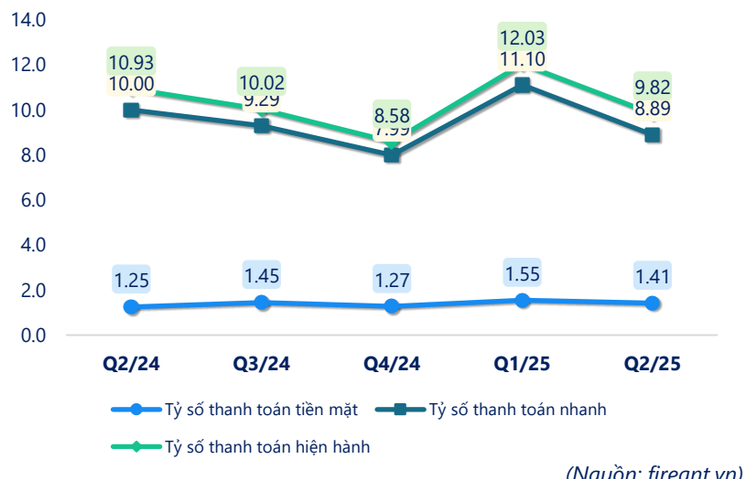
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



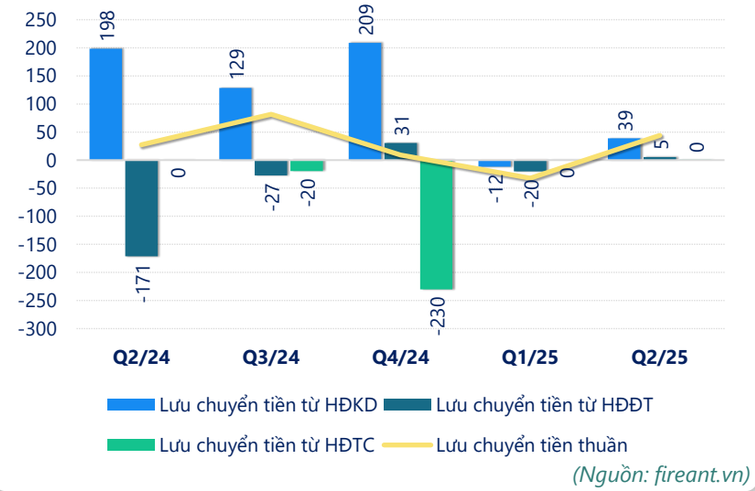
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Cao su Đồng Phú (HSX: DPR)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**4,610**	**4,488**	**2.7%**
Tài sản ngắn hạn	2,385	2,200	8.4%
Tiền và tương đương tiền	343	326	5.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,621	1,545	4.9%
Phải thu ngắn hạn	98.6	87.5	12.7%
Hàng tồn kho	227	151	49.9%
Tài sản ngắn hạn khác	95.8	91.1	5.1%
Tài sản dài hạn	**2,224**	**2,288**	**-2.8%**
Phải thu dài hạn	3.67	3.60	2.1%
Tài sản cố định	1,394	1,381	1.0%
Bất động sản đầu tư	122	129	-5.0%
Tài sản dở dang	196	222	-11.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	127	170	-25.3%
Tài sản dài hạn khác	**381**	**383**	**-0.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,248	1,253	-0.4%
Nợ ngắn hạn	**243**	**256**	**-5.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	8.52	5.79	47.3%
Nợ dài hạn	1,005	998	0.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**3,362**	**3,235**	**3.9%**
Vốn chủ sở hữu	**3,362**	**3,240**	**3.8%**
Vốn điều lệ	869	869	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**-0.27**	**-4.94**	**94.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	233	348	457	203	202
Giá vốn hàng bán	186	266	280	107	135
Lợi nhuận gộp	47.3	82.1	177	95.7	66.6
Doanh thu HĐTC	24.4	21.4	30.6	23.7	25.2
Chi phí TC	0.25	3.37	3.66	0.25	1.38
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	4.76	4.92	6.50	3.55	2.71
Chi phí QLDN	19.8	29.0	45.2	22.6	20.1
LN thuần từ HĐKD	46.9	66.1	152	92.9	67.5
Lợi nhuận khác	44.4	3.74	4.19	2.44	10.7
LN trước thuế	91.3	69.9	156	95.4	78.3
Lợi nhuận sau thuế	79.5	61.2	141	76.2	62.0
LNST của CĐ cty mẹ	73.1	44.3	110	65.3	52.7

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	198	129	209	-11.7	38.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-171	-27.4	30.5	-20.2	5.29
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.05	-19.7	-230	-0.28	0.13
Tiền đầu kỳ	207	237	316	326	294
Lưu chuyển tiền thuần	**27.2**	**81.6**	**9.21**	**-32.2**	**44.0**
Ảnh hưởng tỷ giá	3.11	-3.32	0.83	0.26	5.62
Tiền cuối kỳ	237	316	326	294	343

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic